

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA XÃ HỘI LÀO TRƯỚC NĂM 1945

TRẦN XUÂN CẦU

Dai học KHXH và NV - ĐHQGHN

Quá khứ có mặt trong hiện tại, chi phối sự phát triển của lịch sử. Vì vậy muốn hiểu cái đương thời phải nắm vững những điều đã qua, được rút gọn thành đặc điểm.

LÀO ĐẤT RỘNG NGƯỜI THƯA, NÚI SÔNG HIỀM TRỞ, KINH TẾ CHẬM PHÁT TRIỂN, GIAI CẤP PHÂN HÓA CHƯA SÂU SẮC, VẤN ĐỀ NHÂN LỰC GIỮ VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC HÀNG ĐẦU TRONG THỜI BÌNH CŨNG NHƯ THỜI CHIẾN

1. Lào là một quốc gia đã trải qua những biến đổi về lãnh thổ.

Nếu không tính những thế kỷ Lào phát triển trong hệ thống cấu trúc liên mường (Mường tit mường) thì quốc gia độc lập thống nhất rộng lớn đầu tiên của Lào hình thành vào giữa thế kỷ 14 (1349-1356/1357), với tên Lạn Xang - Triệu voi, rộng khoảng gấp đôi lãnh thổ Lào hiện nay.

- Thế kỷ 16 dưới triều vua Phò-thi-xa-lạt, lãnh thổ Lạn Xang có 4 vùng chiến lược, không chế thượng lưu sông Mê-nam ở tây bắc bán đảo Đông Dương và toàn bộ trung lưu sông Mê-khoảng ở trung tâm bán đảo.

Vùng chiến lược thứ nhất là Xiêng-mày (Chiềng Mai) tiếp giáp Miên Ma và Vân Nam Trung Quốc, hiện nay là đất Thái Lan.

Vùng chiến lược thứ hai, cao nguyên Rát-xa-xi-ma với trung tâm Cò-rạt ở tây nam bán đảo, nằm trên đường phân thủy lưu vực sông Mê-nam và sông Mê-khoảng, hiện nay do Thái Lan quản lý.

Từ thế kỷ 18, Lào chỉ còn lại hai vùng chiến lược, ở phía đông lưu vực sông Mê-khoảng. Đó là cao nguyên Mường Phồn với trung tâm cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, tiếp giáp với núi rừng Tây bắc Việt Nam.

Cuối cùng là Cao nguyên Bô-lô-vên đất đỏ sét với Tây nguyên của Việt Nam, nằm cuối đường mòn chiến lược Hồ Chí Minh trải dài đến tận ba biên giới Cam-pu-chia - Lào - Việt Nam.

Tên Lạn Xang (Triệu Voi) cho biết đây là một đất nước núi lớn, rừng rậm, sông dài rất hiểm trở, đặc biệt địa thế của miền Đông nước Lào nơi từng là căn cứ kháng chiến trong những thế kỷ 16, 18, 19 và 20.

2. Điều kiện thiên nhiên của Lào gây nhiều điều không thuận lợi cho sự phát triển kinh tế khi trình độ sản xuất xã hội còn thấp, cuộc sống con người phụ thuộc nhiều vào mưa gió đất trời, hạn hán lũ lụt.

Nằm trong khu vực có chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á nhưng Lào ở trung tâm bán đảo, bốn bề cách biển bằng các dãy núi cao, cho nên khí hậu Lào ít nhiều có tính lục địa. Vào mùa khô, đặc biệt từ tháng 11 đến tháng 3 dương lịch trên phạm vi toàn Lào đất đai khô hạn, thiếu mưa. Từ xưa, nghề làm rẫy (chặt rừng, đốt cây, trỉa hạt...) cũng như nghề làm ruộng (ở đồng bằng,

triển sông, thung lũng suối lớn) một năm chỉ làm một mùa, chủ yếu ăn nước trời, chờ mưa.

Khí hậu khắc nghiệt là yếu tố báo động thường xuyên môi sinh của cư dân. Số người Lào bị bệnh sốt rét, bệnh broun cũ, và thiếu dinh dưỡng chiếm tỷ lệ rất cao.

Từ xưa nền kinh tế Lào có phần phát triển chậm so với các quốc gia láng giềng. Điều này rõ nét hơn dưới thời thuộc Pháp do kẻ thống trị đã xem Lào là "xứ dễ săn bắn", "miền dự trữ chiến lược trong khai thác kinh tế". Cho đến năm 1945, nền kinh tế Lào vẫn là nền kinh tế tự nhiên tự cung tự cấp. Sự đối lập giữa nông thôn và thành thị hầu như không rõ nét. Các thị xã, thị trấn chủ yếu là những trung tâm hành chính, những đảo nhỏ giữa núi rừng Lào bao la hiểm trở. Trong hệ thống giao thông chỉ có đường số 9, con đường chiến lược cắt ngang trung Lào, từ Đông Hà đi Xà-văn-na-khệt xe cộ quanh năm thông suốt.

3. Ngoài thực dân Pháp, cư dân xứ Lào có hai giai cấp chính nông dân và quý tộc phong kiến, cùng nhiều tầng lớp trung gian. Sự phân hóa và đối lập giai cấp ở Lào không sâu sắc như ở Việt Nam.

Thời thuộc Pháp, trước sau không có vua bù nhìn chung của xứ Lào. Các tỉnh (khoảng) ở Lào đều do Công sứ người Pháp trực trị. Chỉ có quân người Lào ở cấp mừng tương đương với huyện, được gọi là Châu Mừng. Riêng tỉnh Luông-pha-băng theo chế độ bảo hộ, có vua Luông-pha-băng. Sau chiến tranh Pháp - Thái 1940-1941, Thái Lan chiếm thêm hai tỉnh Xay-nhạ-bu-ly và Chăm-pa-xác ở phần hữu ngạn sông Mê-khoảng. Để mua chuộc vua Luông-pha-băng, Pháp đã nâng chế độ bảo hộ từ 1 tỉnh (khoảng) lên thành 6 tỉnh ở Bắc Lào. Ở các tỉnh phía nam Viên Chăn, chế độ trực trị tiếp tục tồn tại. Đến thời kỳ Nhật thuộc, Nhật giữ nguyên quy chế này từ 3/1945 đến 8/1945.

Tầng lớp trên trong quý tộc Lào được Pháp ưu đãi có số lượng không đông. Tầng lớp này hưởng lương tháng kể cả vùng Luông-pha-băng. Tầng lớp dưới trong quý tộc Lào như Châu Taxeng (tương đương cai tổng) hoặc Châu bản (tương đương lý trưởng), Châu cốc, Châu lâu... mức sống tuy có cách biệt với mức sống trung bình của cư dân bản mừng nhưng sự cách biệt đó không xa. Sự bóc lột của quý tộc Lào được thực hiện bằng các hình thức cống nạp hiện vật và nghĩa vụ lao dịch: Lam, Cuông, tuy tàn bạo nhưng thô sơ, nằm trong phương thức sản xuất thời kỳ đầu của chế độ phong kiến, bảo lưu đậm nét tàn dư công xã nông thôn cho đến 1945.

Trong nông dân Lào sở hữu cá thể về đất đai đã xuất hiện nhưng nhỏ bé và phát triển rất chậm. Ở những miền rừng núi nơi nghề làm rẫy là nguồn sống chính, chế độ sở hữu tập thể công xã với hình thức phân chia đất đai định kỳ theo nhân lực vẫn tồn tại vững chắc, bản mừng Lác đất rộng người thưa, nhiều rẫy ít ruộng, lực lượng sản xuất thấp cho nên nhất thời có những gia đình nông dân tự canh, giàu lên chủ yếu nhờ có nhân lực đông. Sự giàu có đó không ổn định chỉ được một đời hoặc hai đời, thiếu nhân lực hết giâu có.

4. Vấn đề nhân lực tại Lào không chỉ giữ vai trò quyết định rõ nét trong nông nghiệp mà còn chi phối toàn diện sự phát triển kinh tế. Trong xây dựng hệ thống đường xá, khai thác đồn điền hầm mỏ, Pháp chủ yếu mộ người từ các xứ thuộc địa khác của Liên bang đến Lào.

Tại Lào Pháp áp dụng cách khai thác nhân lực đơn giản và rất kỳ quái. Việc bắt phu lao dịch diễn ra dưới hình thức lũng ráp từng bản mừng và do "bọn sĩ quan phụ trách bắt phu". Khí dẫn phu đi ngang địa phương nào, nếu xảy ra việc phu bỏ trốn, chúng tổ chức vây quét dân sở tại, bắt người bù vào số phu đã trốn. Ở Lào tù nhân dù tội nặng hay nhẹ đều bị buộc phải lao dịch.

Những tù nhân ở Lào một khi đã bỏ trốn, Pháp khó lòng bắt lại được. Vì vậy Pháp cho xiềng chân tất cả các tù nhân trong khi bắt họ lao dịch:

"Ở Luông-pha-băng nhiều phụ nữ nghèo khổ thảm thương phải mang xiềng đi quét đường chỉ vì một tội không nộp nổi thuế" [1].

Vấn đề "đất rộng người thưa" mật độ dân số thấp ở Lào không chỉ do điều kiện thiên nhiên mà có bắt nguồn từ nguyên nhân xã hội. Từ thế kỷ 16, mỗi lần xâm lược Lào phong kiến Miên-ma cũng như sau đó phong kiến Xiêm thực hiện quét dân Lào ra khỏi đất Lào, trước hết dồn dân từ Đông Lào ở tả ngạn Sông Mê-khoảng sang Tây Lào hữu ngạn sông Mê-khoảng (hiện nay thuộc lãnh thổ Xiêm). Đặc biệt phong kiến Xiêm thực hiện chiến lược quét và dồn dân lập di, lập lại kéo dài trong các thế kỷ 18, 19 và 20, xem đây là quốc sách nhất quán trong quan hệ với Lào.

Cuối thế kỷ 19, trên miền Đông Lào thuộc Pháp nhiều bản mường Lào hầu như không còn có một gia đình nào. Trong những bản mường không dân này có cả Mường Viên Chân vốn xưa kia và hiện nay là thủ đô của Lào.

Hiện nay thủ đô Lào nằm sát biên giới Lào - Thái. Đó là điều hiếm có trong lịch sử trên thế giới. Ngày xưa Viên Chân thủ đô của Lào cách rất xa biên giới Lào - Thái. Trước năm 1945, tổng số cư dân của Lào thuộc Pháp chưa quá một triệu người. Trong khi đó trên lãnh thổ Thái Lan số dân Thái gốc Lào đông gấp khoảng từ 7 đến 8 lần. Địa bàn cư trú rộng lớn của số dân Thái gốc Lào này là từ phía tây bắc Thái Lan ở Xiêng-mày - Chiềng Mai, từ phía Tây Thái Lan ở lưu vực sông Mê-nam tại Xa-lạ-bu-ry, từ trung bộ Thái Lan ở Cò-rạt trên cao nguyên Rát-xa-xi-ma cho đến các tỉnh ở phía đông Thái Lan giáp sông Mê-khoảng, trong đó có 2 tỉnh của Lào vừa mới bị Thái Lan chiếm năm 1941 là Châm-pa-xác và Xay-nhạ-bu-ly, tạo nên một đường biên giới mới: tả ngạn Mê-khoảng thuộc Pháp, hữu hạn Mê-khoảng thuộc Thái Lan từ năm 1941, đến 1946. Quét dân, dồn dân là một chiến lược thâm độc vì trước mắt nhằm triệt tiêu căn cứ cố thủ của người bị xâm lược, về lâu dài nhằm hủy diệt sự tồn tại của một quốc gia. Thử hỏi trên miền Đông Lào núi non trùng điệp, nếu cuối cùng có giành lại được độc lập nhưng thiếu nhân lực thì làm sau Lào có thể nhanh chóng xây dựng được tổ quốc giàu có và hùng mạnh?

Nắm được kinh nghiệm cổ truyền qua nghiên cứu quan hệ lịch sử Lào - Thái, vào những năm 60 Mỹ tiến hành dồn dập hàng loạt chiến dịch dồn, quét, di dân từ vùng giải phóng Lào ở phía đông Lào về phía tây Lào, vùng tạm chiếm và đưa sang cả hữu ngạn Mê-khoảng trên đất Thái Lan, gây ra rất nhiều khó khăn cho Lào, kể cả sau 1975.

Từ thực tiễn, chúng ta nhận thấy vấn đề nhân lực tại Lào giữ vị trí chiến lược hàng đầu, thường xuyên trong thời chiến cũng như thời bình. Đây là đặc điểm cơ bản của xã hội Lào từ trước 1945 đồng thời cũng là đặc điểm chính có quan hệ mật thiết đến thắng lợi hay thất bại của kháng chiến Lào 1945-1975.

Đặc điểm này chi phối sự phát triển lâu dài của Lào trong và cả sau cuộc đấu tranh chung 1945-1975. Cổ nắm vững đặc điểm cơ bản này mới thấy hết được những mặt khó khăn, những nét độc đáo về việc vận dụng các chính sách cụ thể của Lào trong kháng chiến, cũng như trong hòa bình xây dựng.

LÀ MỘT QUỐC GIA CÓ NHIỀU TỘC NGƯỜI, MỖI TỘC NGƯỜI ĐỀU CÓ NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN VÀO TRUYỀN THỐNG VỀ VANG CHỐNG NGOẠI XÂM, NHƯNG NHIỀU THẾ KỶ LÀO THIẾU SỰ LÃNH ĐẠO THỐNG NHẤT TRONG ĐẤU TRANH GIÀNH THỐNG NHẤT VÀ ĐỘC LẬP QUỐC GIA (1707-1945)

1. Trong quốc gia Lào có những tộc người sinh sống tại chỗ từ trước, có những tộc đến sau nhưng tất cả đều có những đóng góp to lớn trong đấu tranh xây dựng, bảo vệ độc lập thống nhất quốc gia.

Quốc gia Lan xang độc lập thống nhất hình thành vào giữa thế kỷ 14 chủ yếu do công sức của những tộc người nói tiếng Lào-Thay và tiếng Môn-Khơme. Chậu Phạ Ngùm người anh hùng dân tộc đầu tiên của Lào thực hiện nhiều chính sách tiến bộ nhằm đoàn kết, tập hợp các tộc người nói tiếng mẹ đẻ khác nhau trong đấu tranh xây dựng và củng cố cơ sở thống nhất của quốc gia Lan Xang.

Phạ Ngùm ra lệnh "cấm giết người Khạ (tức là nô lệ, chủ yếu xuất thân từ tộc người nói tiếng mẹ đẻ không thuộc ngôn ngữ Lào-Thay) vì "có người mới có của cải". Phạ Ngùm nhận thức rất sâu sắc vấn đề nhân lực tại Lào.

Phạ Ngùm là vị vua khởi đầu đưa đạo phật tại Lào lên vị trí quốc giáo, thay thế đa thần giáo nhằm củng cố nền thống nhất Quốc gia, đồng thời xóa bỏ lễ hiến sinh, một lễ hội giết người để cúng thần đang tồn tại trong xã hội. Lúc bấy giờ những chức vụ quan trọng nhất về quân sự và chính trị của triều đình Trung ương cũng như ở địa phương đều do người các dân tộc nói tiếng Lào-Thay và nói tiếng Môn-Khơme đảm nhiệm. Hai tộc người này trong lịch sử chống ngoại xâm dưới sự lãnh đạo của các vị anh hùng dân tộc: Xết-tha-thi-lạt, Xay-chất-ca-phắc, Chậu Anụ, Lạt-xa-vông đã đoàn kết chặt chẽ cùng nhau xây dựng nền truyền thống vẻ vang có những nét riêng, độc đáo của dân tộc Lào.

Nhiều lần Lào chủ động rời bỏ đô thành, làm vườn không bán trống dựa vào núi sông hiểm trở tổ chức triệt phá giao thông, tập kích hậu cần của địch, cuối cùng chọn thời cơ ở chính quốc kẻ xâm lược bị suy yếu, phản công thu hồi lãnh thổ. Đặc biệt Lào có kinh nghiệm kết hợp nhiều hình thức đấu tranh ứng biến linh hoạt không vận dụng đơn thuần chỉ một hình thức đấu tranh vũ trang. Trong thế kỷ 16, nhân dân Lào từng trả vua lệ thuộc cho phong kiến Miên-ma. Trong chống phong kiến Xay-mạ (Xiêm, thế kỷ 19) cũng như chống phong kiến Miên-ma, Lào kết hợp tiến công vũ trang với nổi dậy của cư dân trong nước và của bộ phận cư dân bị kẻ xâm lược quét về lãnh thổ ngoại bang hoặc bị dồn về miền tây Lào. Trong những thế kỷ 14, 16 và 19 Lào từng liên minh với các quốc gia láng giềng cùng chống kẻ xâm lược hùng mạnh.

Những truyền thống lịch sử đó một phần được thể hiện trong những cuộc chiến tranh lớn, tại xứ Lào thuộc Pháp từ 1893 đến 1945.

Đó là phong trào đấu tranh Phu-mi-bun từ cuối thế kỷ 19, rộng khắp trên hai miền hữu ngạn và tả ngạn sông Mê-khoàng, mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Phò-ca-duột ở Trung Lào 1901 - 1903.

Ở Hạ Lào, cuộc chiến đấu bền bỉ do ông Kẹo và Côm-ma-dăm kế tục nhau lãnh đạo, do biết dựa vào núi rừng hiểm trở đã kéo dài hơn 35 năm 1901-1937. Đây là cuộc đấu tranh vũ trang tồn tại lâu nhất trong liên bang Đông dương thuộc Pháp.

Ở Thượng Lào, khởi nghĩa vũ trang cho Chậu Phạ Pát-chay lãnh đạo nổ ra dữ dội ở 4 tỉnh phía bắc Lào từ 1918. Pháp phải điều động các binh đoàn chủ lực mới đàn áp được vào năm 1922.

2. Một câu hỏi lớn được đặt ra, nhân dân Lào vốn có truyền thống vẻ vang chống ngoại xâm như vậy, vì sao phong trào đấu tranh giành độc lập của Lào lại liên tiếp thất bại, kể cả trước khi miền Đông Lào trở thành xứ thứ 5 trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, vào năm 1893?

Rõ nét và sâu sắc hơn bất cứ một quốc gia nào ở Đông Nam Á Lào mất nước trước hết do nguyên nhân bên trong. Đầu thế kỷ 18, quý tộc Hoàng gia Lào tranh nhau quyền cai trị đất nước, phân chia Lan Xang thành hai vương quốc (1707) và sau đó thành ba vương quốc (1713) đối địch, có ba kinh đô khác nhau: Viên Chân ở Trung Lào, Luông-pha-băng ở Thượng Lào và Châm-pa-xắc ở Hạ Lào. Năm 1778 phong kiến Xay-ạ lợi dụng tình hình Lào bị chia cắt, đánh chiếm đô thành Châm-pa-xắc, sau đó từng bước biến Lào thành ba vương quốc lệ thuộc.

Đầu thế kỷ 19, cuộc khởi nghĩa vũ trang của Châu Anự - Lát-xà-vông (1826-1829) được chuẩn bị bí mật lâu dài, chu đáo về mặt chính trị và quân sự, chọn thời cơ nổi dậy thích hợp nhưng phút cuối cùng phong kiến Luông-pha-băng từ chối không tham gia nổi dậy với lực lượng Viêng Chăn và Chăm-pa-xắc.

Chúng ta có thể khẳng định từ đầu thế kỷ 18, thiếu một sự lãnh đạo thống nhất, đoàn kết toàn dân là một tồn tại của xã hội Lào kéo dài trong lịch sử. Sự khủng hoảng về vai trò lãnh đạo toàn Lào càng thêm trầm trọng từ khi Pháp và Xiêm cùng nhau phân chia lãnh thổ Lào, mỗi bên tổ chức cai trị trực tiếp một miền: Đông Lào cũng như Tây Lào, từ cuối thế kỷ 19. Đây là đặc điểm lịch sử chính của xã hội của Lào từ 1707 đến 1945.

NHỮNG NHÂN TỐ MỚI CỦA LỊCH SỬ LÀO

1. Xã hội Lào, một trong 5 xứ thuộc địa của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp trước 1945, có những nhân tố nào là nhân tố mới, dù đó chỉ mới là mầm mống của một khả năng to lớn trong phát triển? Có điều kiện gì đã là điều kiện thuận lợi mà dân tộc Lào có thể tận dụng, triệt để khai thác trong đấu tranh phục hồi độc lập thống nhất quốc gia Lào?

Do nhân lực tại chỗ quá thiếu mãi sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1911-1918) Pháp mới bắt đầu tổ chức khai thác xứ Lào với phương hướng sử dụng nhân lực của các xứ khác trong Đông Dương thuộc Pháp. Ngoài số công chức, lính khố xanh cùng gia đình là người gốc Việt mà Pháp điều động đến xứ Lào trước năm 1918, giờ đây số phu xây dựng ở các công trường giao thông được trưng tập, số phu đồn điền, hầm mỏ được tuyển mộ từ Việt Nam đến Lào ngày càng đông. Có thể nói một cách chính xác, dọc theo những con đường đã xây dựng cũng như trong các đồn điền, hầm mỏ được khai phá và khai thác tại Lào bên cạnh xác của người phu Lào bị đốt đi chỉ còn lại tro, bao giờ cũng có xác của những người phu Việt Nam chôn xuống đất mà thường xác phu Việt đông hơn.

Vào những năm 1931-1932, số tù nhân người Việt trong những nhà tù của Pháp ở Lào đông hơn rất nhiều so với tù nhân là người Lào. Lúc bấy giờ Việt Nam đang bị Pháp khủng bố trắng, người Việt hoạt động chống Pháp trốn sang Lào tàn sát trong các bản mường Lào dựa vào sự che dấu đùm bọc, nuôi nấng của người Lào rất đông, số bị Pháp truy lùng cuối cùng bắt được ở tại Lào cũng không ít.

Từ năm 1941 đến 3-1945, Pháp-Nhật thỏa hiệp cai trị liên bang Đông Dương, số dân nghèo ở Việt Nam tiếp tục tìm đến Lào để kiếm sống ngày càng nhiều.

Sau đây là một vài số liệu tham khảo thuộc niên đại 1943. Theo tác giả E. Pietrantonì vào năm 1943 ở 6 thành phố của Lào: Thủ đô Viêng Chăn, kinh đô Luông-pha-băng, Thà Khéc, Xà-van-na-khệt, Pak-xế, Xiêng Khoảng trong tổng số cư dân 51.150 người có 30.300 là người Việt. Theo tác giả Pernard Lafont vào năm 1943 số liệu cư dân ở 5 thành phố của Lào như sau [4].

Tổng dân số	Thành phố	Người Lào	Người Việt	Người Hoa
23.000	Viêng Chăn	40%	53%	4%
8.000	Thà-khéc	10%	85%	4%
7.300	Pak-xế	15%	63%	20%
5.500	Xà-văn-na-khệt	10%	72%	10%
5.000	Luông-pha-băng	70%	A	10%

A: Theo Lafont tỷ lệ người Việt ở đây chưa bao giờ quá 28% dân số.

Từ các số liệu, điều chúng ta có thể khẳng định, riêng trong các đô thị, trong hầm mỏ, đồn điền ở Lào, có nhiều nơi người Việt đông hơn người Lào vào thời gian trước năm 1945. Trước một kẻ thù chung, những người Đông Dương mất nước dù gốc Việt, gốc Lào hay gốc Khơ-me liền kết lại với nhau, chống kẻ thù chung là xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử. Tuy nhiên điều tất yếu này chỉ diễn ra từ năm 1930.

2. Năm 1930, sau khi mất nước 46 năm, lần đầu tiên nhân dân Việt Nam thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất từ ba tổ chức khác nhau. Cuối năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam chuyển thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Những người yêu nước Lào đã nhận thức vấn đề này như thế nào? Phumi Vôngvichit một trong những nhà lãnh đạo nổi tiếng của phong trào Lào yêu nước ghi nhận:

"Cùng với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghĩ đến nhân dân Căm-pu-chia và đến nhân dân Lào, cả hai đều đang chìm đắm trong cảnh tối tăm dưới ách áp bức và bóc lột của thực dân Pháp mà Pháp đồng thời cũng là kẻ thù của nhân dân Việt Nam. Chính do chân lý lịch sử này mà Người đã chuyển Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, kết nạp vào trong Đảng tất cả những người yêu nước của cả ba nước và xác định cả ba nước đều là những tượng cần phải giải phóng đồng thời" [1].

Xét cụ thể đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương chúng ta nhận thấy Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tháng 5-1941 do lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trì, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Liên bang Đông Dương thuộc Pháp.

"Pháp đầu hàng quân Nhật, dề quân Nhật tràn vào Lạng Sơn... sau lại đầu hàng Xiêm đem theo đất đai Đông Dương (7 vạn km²) cắt nhượng cho Xiêm", "Để quốc Pháp - Nhật chẳng những áp bức các giai cấp thợ thuyền dân cày mà chúng nó áp bức bóc lột cả các dân tộc, không chừa một hạng nào?"

"Không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư sản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập tự do cho dân tộc". Đã nói đến vấn đề dân tộc tức là nói đến sự tự do độc lập của mỗi dân tộc tùy theo ý muốn của mỗi dân tộc. Nói như thế nghĩa là sau lúc đánh đuổi Pháp Nhật, ta phải thi hành đúng chính sách "dân tộc tự quyết" cho các dân tộc Đông Dương "Mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương". "Vây mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh hay nói tắt là Việt Minh". "Các dân tộc Miên, Lào tổ chức ra Cao Miên độc lập đồng minh, Ai Lào độc lập đồng minh" [2].

Năm 1941, cái mới ở đây là gì?

"Vi tình thế biến đổi lớn nên Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã xét toàn bộ chiến lược của Đảng", "Lúc này nhiệm vụ dân tộc giải phóng cần kíp và quan trọng hơn". "Như thế là chiến lược của Đảng có thay đổi ít nhiều chứ không phải chỉ có chiến thuật".

Từ 1941, vấn đề giải phóng dân tộc được nhận thức một cách rõ ràng, được giải quyết theo mục tiêu "dân tộc tự quyết" trong khuôn khổ mỗi nước.

Tất nhiên cái mới đó không làm thay đổi mối quan hệ đặc biệt giữa các dân tộc trong cuộc đấu tranh chung chống thù chung đã được xác lập từ 1930.

"Những dân tộc sống ở Đông Dương đều chịu dưới ách thống trị của giặc Pháp - Nhật, cho nên muốn đánh đuổi chúng nó không chỉ dân tộc này hay dân tộc kia mà đủ, mà phải có một lực

lượng thống nhất của tất thảy các dân tộc Đông Dương hợp lại" [3].

Như vậy, trước năm 1945, giống như Việt Nam và Căm-pu-chia nhân dân Lào cùng có những điều kiện mới, những nhân tố mới rất thuận lợi. Vì vậy, vấn đề cụ thể được đặt ra từ 1945 đến 1975, Lào khai thác điều kiện thuận lợi vốn có như thế nào? Đã khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần tự lực và đóng góp vào nhân tố mới của lịch sử đến đâu? phù hợp với quyền lợi của cuộc đấu tranh chung đồng thời đáp ứng những yêu cầu thiết nhất của tổ quốc Lào?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập I, NXB Sự thật, Hà Nội, 1980, T. 1 (394).
2. Phoumi Vongvichit - "Le 100^{ème} anniversaire de la naissance du President Ho Chi Minh". Vientiane, 1990.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: "Văn kiện Đảng 1930-1945", Hà Nội, 1977 (195 - 207 - 361).
4. a) E. Pietrantonì - "La population du Laos en 1943, dans son milieu géographique". Bulletin de la société des études Indochinoises, XXXII, 1957.
b) Pierre Bernard Iafont - "Aperçu sur L' évolution Urbaine au Laos". Péninsule Indochinoise, Paris, 1991, p. 103-119. Nguyễn Thừa Hỷ sưu tầm, dịch.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE. SOC. SCI., t.XI, n^o2. 1995

MAIN CHARACTERISTIC OF LAOS SOCIETY BEFORE 1945

TRAN XUAN CAU

College of Soc. Sci. and Humanities - VNU

Historical situation from 14th to 20th century has showed that Laos society has two main characteristics:

1. Being a large territorial, but sparsely populated country with dense forests and high mountains, underdeveloped economy and undistinctly divided - social classes, manpower resource has always held the first strategic position in peace time and war time as well.
2. Being country with many nationalities, each of which has contributed greatly to the glorious tradition of fighting against aggressors, Laos lacked the unite leadership in fighting for national reunification and independence.

In 1893, East Laos became Laos region of French Indochinese Union. Since 1930, however, there appeared some new factors thanks to which Laos people could overcome difficulties bequeathed by history.

Laos people know how to highly stimulate the spirit of relying on one's own, make good use of the new favourable condition, that is why they gained the national reunification in their fighting (1945-1975).